



Original Article

Public Policy on Human Rights Protection: A Case Study of Sweden and Relevant References for Vietnam

Nguyen Lan Nguyen*, Phung Chi Kien, Nguyen Hoang An

*University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi,
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

Received 26th June 2026

Revised 11th August 2026; Accepted 10th September 2026

Abstract: As an output of the research project coded SV.2027.18, funded by the University of Social Sciences and Humanities, this article analyzes public policy regarding human rights protection in Sweden and draws relevant lessons for Vietnam. Employing public policy, human rights-based, and institutional analysis approaches, the article examines how Sweden designs and implements human rights protection policies through constitutional frameworks, information transparency mechanisms, consultation processes, impact assessments, independent oversight bodies, and public agency accountability. The findings highlight Sweden's distinctive ability to translate human rights norms into substantive requirements within the public policy cycle. In the context of Vietnam, human rights have been increasingly clearly defined in Party guidelines, the 2013 Constitution (amended in 2025), and legislation governing the promulgation of legal documents. Drawing on the Swedish experience, the authors argue that Vietnam needs to further refine its criteria for human rights impact assessments, substantive consultation mechanisms, accountability frameworks, and the protection of vulnerable groups throughout the policy process.

Keywords: Public policy; human rights protection; Sweden; Vietnam.

* Corresponding author.

E-mail address: lannguyen@ussh.vnu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4650>

Chính sách công về bảo vệ quyền con người: nghiên cứu trường hợp Thụy Điển và một số liên hệ tham khảo với Việt Nam

Nguyễn Lan Nguyễn*, Phùng Chí Kiên, Nguyễn Hoàng An

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội,
336 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 26 tháng 6 năm 2026

Chỉnh sửa ngày 11 tháng 8 năm 2026; Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2026

Tóm tắt: Là sản phẩm của đề tài mã số SV.2027.18 do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tài trợ, bài viết này phân tích chính sách công về bảo vệ quyền con người tại Thụy Điển và rút ra một số liên hệ đối với Việt Nam. Trên cơ sở tiếp cận chính sách công, tiếp cận dựa trên quyền con người và phương pháp phân tích thể chế, bài viết làm rõ cách Thụy Điển thiết kế và vận hành chính sách bảo vệ quyền con người thông qua nền tảng hiến định, cơ chế minh bạch thông tin, quy trình tham vấn, đánh giá tác động, thiết chế giám sát độc lập và trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền. Kết quả nghiên cứu cho thấy đặc trưng nổi bật của Thụy Điển là khả năng chuyển hóa các chuẩn mực quyền thành yêu cầu thực chất trong chu trình chính sách công. Đối chiếu với Việt Nam, quyền con người đã được xác lập ngày càng rõ trong đường lối của Đảng, Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi năm 2025) và pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. Từ tham khảo kinh nghiệm Thụy Điển, nhóm tác giả cho rằng Việt Nam cần tiếp tục hoàn thiện tiêu chí đánh giá tác động quyền con người, cơ chế tham vấn thực chất, trách nhiệm giải trình và bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong quá trình chính sách.

Từ khóa: Chính sách công; bảo vệ quyền con người; Thụy Điển; Việt Nam.

1. Mở đầu

Quyền con người hiện nay đã trở thành một giá trị phổ quát và là tiêu chí quan trọng để đánh giá mức độ tiến bộ, tính chính danh và hiệu quả quản trị nhà nước của bất kỳ quốc gia dân chủ nào. Trong thời đại mới, việc bảo vệ quyền con người không dừng lại ở việc ghi nhận trong hiến pháp, pháp luật hoặc các cam kết quốc tế thuần túy, mà nó dần dần được cụ thể hóa thông qua hệ thống chính sách công. Với tư cách là công cụ để nhà nước xác lập mục tiêu, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện các quyết định công, chính

sách công có vai trò trực tiếp trong việc tạo lập các điều kiện chính trị, pháp lý, kinh tế và xã hội để quyền con người được bảo đảm trên thực tế.

Từ góc độ tiếp cận dựa trên quyền con người (HRBA), người dân vừa là đối tượng vừa là chủ thể của các quyết sách nhà nước; do đó, nhà nước vừa là chủ thể quản lý vừa phải là chủ thể có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ các quyền con người. Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người định nghĩa quyền con người là những “những bảo đảm pháp lý phổ quát nhằm bảo vệ cá nhân và nhóm trước các hành động hoặc sự bỏ mặc xâm phạm tự do cơ bản, quyền

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: lannguyen@ussh.vnu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1116/vnupam.4650>

thụ hưởng và phẩm giá con người” [1, tr. 1]. Thông qua cách tiếp cận này, có thể thấy chính sách công về quyền con người cần được xem xét một cách tổng thể ở quy trình xây dựng chính sách, cơ chế tham vấn, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và khả năng bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương.

Thụy Điển là một trường hợp có giá trị tham khảo trong nghiên cứu chính sách công về bảo vệ quyền con người. Báo cáo quốc gia của Thụy Điển trong chu kỳ UPR lần thứ tư nêu mục tiêu chính sách nhân quyền của Chính phủ là bảo đảm “*sự tôn trọng đầy đủ các nghĩa vụ quốc tế của Thụy Điển về quyền con người*” [2, tr. 2]. Thực tế cho thấy, việc Thụy Điển cam kết mục tiêu này không phải cam kết đối ngoại thuần túy, mà còn được triển khai trong các lĩnh vực chính sách quốc gia thông qua cơ chế phối hợp liên bộ, tham vấn xã hội, thiết chế giám sát độc lập và sự gắn kết giữa chuẩn mực quốc tế với quy trình lập pháp trong nước (nội luật hóa). Do đó, việc bảo vệ quyền con người bằng chính sách công đòi hỏi sự kết hợp giữa nền tảng hiến định, quy trình chính sách minh bạch và thiết chế thực thi có trách nhiệm.

Ở Việt Nam, quyền con người, quyền công dân ngày càng được khẳng định rõ trong đường lối của Đảng, Hiến pháp và hệ thống pháp luật của Nhà nước. Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi năm 2025) đã dành trọn Chương II để quy định về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; trong đó khẳng định các quyền con người, quyền công dân được “*công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*” [3, Điều 14]. Bên cạnh đó, Nghị quyết số 27-NQ/TW cũng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, rằng “*quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*” [4]. Tuy nhiên, khoảng cách giữa việc ghi nhận quyền trong văn bản chính trị - pháp lý và việc chuyển hóa các quyền đó thành tiêu chí cụ thể trong hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách công vẫn tồn tại, và do đó đây vẫn là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu.

Trên cơ sở đó, việc phân tích chính sách công về bảo vệ quyền con người tại Thụy Điển và rút ra

một số liên hệ với Việt Nam là cần thiết, nhằm đáp ứng các yêu cầu đặt ra của hội nhập quốc tế trong tình hình mới, cũng như hiện thực hóa chủ trương của Đảng trong các Văn kiện, Nghị quyết và Hiến pháp 2013 (sửa đổi năm 2025) của Nhà nước.

2. Cơ sở lý luận của chính sách công về bảo vệ quyền con người

2.1. Khái niệm chính sách công và chính sách công về bảo vệ quyền con người

Chính sách công là một khái niệm trung tâm của khoa học chính sách, dùng để chỉ những định hướng, quyết định và hành động có tính quyền lực công nhằm giải quyết các vấn đề chung của xã hội. Thomas R. Dye đưa ra định nghĩa ngắn gọn và có ảnh hưởng rộng rãi: chính sách công là “*những gì chính phủ chọn làm hoặc không làm*” [5, tr. 2]. Theo nghĩa này, chính sách công không chỉ bao gồm hành động can thiệp trực tiếp của nhà nước, mà còn bao gồm cả sự lựa chọn không hành động trong những trường hợp nhất định. Vì vậy, ta cần xem xét đồng thời mục tiêu, chủ thể ban hành, công cụ thực thi, nguồn lực, quy trình và hệ quả xã hội của chính sách.

Chính sách công có ý nghĩa rất quan trọng đối với lĩnh vực quyền con người, là phương thức cơ bản để nhà nước đưa các chuẩn mực quyền con người vào những lĩnh vực cụ thể. Bởi nếu quyền con người chỉ được ghi nhận trong hiến pháp, pháp luật hoặc các cam kết quốc tế thuần túy mà không được chuyển hóa tương xứng thành chương trình, nguồn lực, cơ chế thực thi và thiết chế bảo đảm thì những ghi nhận đó không thể trở thành hiện thực trong đời sống xã hội.

Như vậy, chính sách công về bảo vệ quyền con người là hệ thống quan điểm, mục tiêu, quyết định, chương trình, biện pháp và công cụ của nhà nước nhằm công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm và thúc đẩy các quyền con người trong thực tiễn. Theo chúng tôi, chính sách công về bảo vệ quyền con người có ba đặc điểm cơ bản sau: i) Đây là loại chính sách gắn trực tiếp với trách nhiệm công quyền, bởi nhà nước là chủ thể có nghĩa vụ chính trong việc bảo đảm quyền con người; ii) Chính sách này hướng đến việc chuyển

hóa các giá trị và chuẩn mực quyền con người thành mục tiêu, công cụ và quy trình quản lý cụ thể; và iii) Hiệu quả của chính sách được đánh giá bằng mức độ quyền con người được tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm trong thực tiễn.

2.2. Nghĩa vụ của nhà nước trong bảo vệ quyền con người

Chính sách công về bảo vệ quyền con người gắn trực tiếp với nghĩa vụ của nhà nước đối với quyền con người. Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người nhấn mạnh rằng luật nhân quyền đặt ra nghĩa vụ đối với chính phủ và các chủ thể có nghĩa vụ, buộc họ phải thực hiện một số hành động nhất định và không được thực hiện một số hành động khác [1, tr. 1]. Nghĩa vụ của nhà nước trong trường hợp này thường được phân tích trên ba phương diện: i) Tôn trọng, ii) Bảo vệ; và iii) Thực hiện quyền con người. Nghĩa vụ tôn trọng đòi hỏi nhà nước không được tùy tiện can thiệp, hạn chế hoặc xâm phạm quyền của cá nhân; nghĩa vụ bảo vệ đòi hỏi nhà nước phải có các biện pháp pháp lý, hành chính, tư pháp và chính sách để phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý sự xâm phạm quyền từ các chủ thể khác; nghĩa vụ thực hiện đòi hỏi nhà nước phải chủ động tạo lập điều kiện, nguồn lực, chương trình và thiết chế cần thiết để người dân có thể thụ hưởng các quyền trên thực tế [1, tr. 2].

Cách phân loại trên có ý nghĩa trực tiếp đối với việc thiết kế chính sách công. Đối với nghĩa vụ tôn trọng, chính sách công phải được xây dựng sao cho không tạo ra sự can thiệp tùy tiện vào quyền con người, không hạn chế quyền khi không có cơ sở pháp lý hoặc vượt quá yêu cầu cần thiết. Đối với nghĩa vụ bảo vệ, chính sách công phải thiết lập được các cơ chế phòng ngừa vi phạm, giám sát quyền lực, tiếp nhận phản ánh, xử lý hành vi xâm phạm quyền và bảo vệ người bị tổn thương. Đối với nghĩa vụ thực hiện, chính sách công phải gắn với nguồn lực, dịch vụ công, bộ máy thực thi và các biện pháp hỗ trợ cụ thể, nhất là đối với các nhóm dễ bị tổn thương.

Việc bảo vệ quyền con người còn gắn với yêu cầu giới hạn và kiểm soát quyền lực nhà nước. Có thể nói, quyền con người vừa là mục tiêu của chính sách công, vừa là giới hạn đối với

quyền lực công. Nhà nước không thể viện dẫn mục tiêu quản lý xã hội hoặc phát triển kinh tế - xã hội để cho phép tồn tại sự xâm phạm quyền một cách tùy tiện, không có căn cứ pháp lý, không tương xứng hoặc thiếu cơ chế giải trình. Do vậy, chính sách công về bảo vệ quyền con người luôn phải đặt trong mối quan hệ giữa mục tiêu quản lý nhà nước, yêu cầu phát triển xã hội và cả giới hạn pháp lý đối với quyền lực công.

2.3. Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người trong chính sách công

Phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người là một phương pháp luận lấy quyền con người làm tiêu chí, điểm xuất phát và mục đích của mọi quá trình chính sách và chương trình. Ban đầu, nó là quan điểm có tính nguyên tắc được các cơ quan của Liên hợp quốc sử dụng trong việc xây dựng và thực hiện chương trình phát triển. Theo Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người, tiếp cận dựa trên quyền con người là “khung khái niệm” cho quá trình phát triển con người, dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế về quyền con người và hướng tới thúc đẩy, bảo vệ quyền con người [1, tr. 15]. Cách tiếp cận này đồng thời nhấn mạnh việc phân tích các bất bình đẳng, thực hành phân biệt đối xử và sự phân bố quyền lực bất công vốn cản trở tiến trình phát triển [1, tr. 15].

Trong phương pháp tiếp cận dựa trên quyền con người, chính sách công chuyển trọng tâm từ “nhu cầu” sang “quyền”, từ “hỗ trợ” sang “nghĩa vụ”, từ “đối tượng thụ hưởng thụ động” sang “chủ thể quyền có khả năng tham gia, yêu cầu và giám sát”. Theo UN, tất cả các chương trình hợp tác phát triển, chính sách và hỗ trợ kỹ thuật cần hướng tới việc hiện thực hóa quyền con người theo Tuyên ngôn thế giới về quyền con người và các văn kiện nhân quyền quốc tế khác [1, tr. 35].

Tiếp cận dựa trên quyền con người trong chính sách công đòi hỏi các tiêu chuẩn và nguyên tắc quyền con người phải được lồng ghép trong tất cả các giai đoạn của quá trình chính sách. Các nguyên tắc được nhấn mạnh bao gồm tính phổ quát và không thể chuyển nhượng của quyền, tính không thể phân chia, tính phụ thuộc và liên hệ lẫn nhau giữa các quyền, bình đẳng và không

phân biệt đối xử, sự tham gia và hòa nhập, trách nhiệm giải trình và nhà nước pháp quyền [1, tr. 36-37]. Như vậy, chính sách công không chỉ là công cụ kỹ thuật để phân bổ nguồn lực, mà còn là phương thức tổ chức trách nhiệm của nhà nước đối với con người.

Từ đó, chính sách công về bảo vệ quyền con người cần được đánh giá bằng những câu hỏi mang tính quyền như: có phù hợp với hiến pháp, pháp luật và các cam kết quyền con người hay không? có tạo điều kiện cho người dân tham gia hay không? có làm phát sinh phân biệt đối xử hay bất bình đẳng trong tiếp cận quyền hay không? có bảo vệ được các nhóm dễ bị tổn thương hay không? cơ quan công quyền có công khai thông tin, giải trình quyết định và chịu trách nhiệm về tác động chính sách hay không?

2.4. Tiêu chí phân tích chính sách công về bảo vệ quyền con người

Từ các cơ sở lý luận trên, chúng tôi sử dụng bốn tiêu chí để phân tích chính sách công về bảo vệ quyền con người như sau:

i) Nền tảng hiến định và pháp lý của chính sách: Chính sách công phải dựa trên sự ghi nhận rõ ràng về quyền trong hiến pháp, pháp luật và các cam kết quốc tế có liên quan;

ii) Mức độ lồng ghép quyền con người trong chu trình chính sách công: Quyền con người cần được xem xét trong toàn bộ quá trình chính sách, từ xác định vấn đề, xây dựng phương án, thẩm định, ban hành, thực thi đến giám sát và đánh giá;

iii) Cơ chế tham gia, minh bạch và trách nhiệm giải trình: Người dân và các nhóm xã hội cần được tiếp cận thông tin, được tham vấn, được trình bày ý kiến và được phản hồi về mức độ tiếp thu ý kiến. Sự tham gia này vừa là phương tiện để chính sách phù hợp hơn với nhu cầu xã hội, vừa là một nội dung của quyền con người.

iv) Khả năng bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương: Chính sách công về bảo vệ quyền con người phải chú ý đến bất bình đẳng thực tế giữa các nhóm xã hội. Phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người di cư và các nhóm có nguy cơ bị gạt ra bên lề thường gặp nhiều rào cản hơn trong tiếp cận quyền. Vì vậy, chính sách công cần có các

biện pháp đặc thù để bảo đảm những nhóm này không bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

Bốn tiêu chí trên nhằm nhìn nhận chính sách công về bảo vệ quyền con người vừa ở nội dung cam kết, mục tiêu tuyên bố, vừa ở năng lực thể chế hóa và hiện thực hóa quyền con người trong toàn bộ quá trình chính sách.

3. Phân tích trường hợp Thụy Điển và một số liên hệ với Việt Nam

3.1. Nền tảng chính trị - pháp lý của chính sách bảo vệ quyền con người tại Thụy Điển

Thụy Điển là quốc gia có nền tảng chính trị - pháp lý thuận lợi cho việc bảo vệ quyền con người thông qua chính sách công. Xét về chế độ chính trị, Thụy Điển là một nền dân chủ nghị viện, trong đó quyền lực nhà nước được tổ chức trên cơ sở đại diện, bầu cử phổ thông, trách nhiệm của Chính phủ trước Nghị viện và nguyên tắc pháp quyền. Điều 1 Chương 1 của Đạo luật về Hình thức Chính phủ quy định: “Mọi quyền lực công ở Thụy Điển đều xuất phát từ nhân dân” [6, Chương 1, Điều 1]. Quy định này xác lập nền tảng chính danh của quyền lực công và cũng là cơ sở để xem xét quyền con người như một giới hạn và mục tiêu của hoạt động nhà nước.

Điều 2 Chương 1 của Đạo luật về Hình thức Chính phủ tiếp tục nhấn mạnh rằng “quyền lực công phải được thực thi với sự tôn trọng giá trị bình đẳng của mọi người, tự do và phẩm giá của cá nhân” [6, Chương 1, Điều 2]. Bên cạnh đó, các thiết chế công có trách nhiệm thúc đẩy sự tham gia và bình đẳng trong xã hội, bảo vệ quyền trẻ em, chống phân biệt đối xử dựa trên giới, màu da, nguồn gốc quốc gia hoặc dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo, khuyết tật, xu hướng tính dục, tuổi tác và các hoàn cảnh cá nhân khác [6, Chương 1, Điều 2]. Như vậy, ngay trong nền tảng hiến định, việc bảo vệ quyền con người ở Thụy Điển không thuần túy là sự kiềm chế quyền lực nhà nước, mà nó còn là định hướng tích cực cho hoạt động công.

Chương 2 của Đạo luật về Hình thức Chính phủ quy định hệ thống quyền và tự do cơ bản, bao gồm tự do biểu đạt, tự do thông tin, tự do hội họp, tự do biểu tình, tự do lập hội và tự do tín

ngưỡng [6, Chương 2, Điều 1]. Quy định này cho thấy quyền con người ở Thụy Điển có địa vị hiến định và gắn trực tiếp với quan hệ giữa cá nhân và các thiết chế công; Điều 19 Chương 2 lại quy định *“không một đạo luật hoặc quy định nào được ban hành nếu trái với các cam kết của Thụy Điển theo Công ước châu Âu về quyền con người”* [6, Chương 2, Điều 19]. Đây là cơ chế bảo đảm tính tương thích giữa pháp luật quốc gia và nghĩa vụ nhân quyền đã cam kết.

Bên cạnh Đạo luật về Hình thức Chính phủ, Luật Tự do báo chí có thể xem là một trụ cột hiến định đặc biệt quan trọng. Chương 2 Điều 1 của luật này quy định mọi người có quyền *“tự do tiếp cận tài liệu công nhằm khuyến khích trao đổi quan điểm tự do và bảo đảm sự sẵn có của thông tin toàn diện”* [7, Chương 2, Điều 1]. Quyền tiếp cận tài liệu công tạo ra nền tảng pháp lý cho minh bạch chính sách, kiểm soát xã hội đối với công quyền và khả năng tham gia của người dân vào quá trình chính sách. Đây là một trong những đặc trưng của Thụy Điển, với minh bạch thông tin không chỉ là kỹ thuật hành chính, mà là nguyên tắc hiến định.

Báo cáo UPR (Kiểm điểm định kỳ phổ quát) năm 2025 của Thụy Điển cho biết Chính phủ đã duy trì mục tiêu bảo đảm tôn trọng đầy đủ các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế, đồng thời đề các nỗ lực nhân quyền thấm vào nhiều lĩnh vực chính sách và có sự tham gia của xã hội [2, tr. 2]. Từ năm 2006, Văn phòng Chính phủ Thụy Điển có nhóm công tác liên bộ về quyền con người, có nhiệm vụ chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, theo dõi chiến lược nhân quyền và bảo đảm tuân thủ các thủ tục nội bộ liên quan đến nghĩa vụ nhân quyền quốc tế [2, tr. 2]. Thông qua đó, cho thấy bảo vệ quyền con người ở Thụy Điển được tổ chức như một vấn đề liên ngành, không chỉ thuộc phạm vi của một cơ quan chuyên trách.

3.2. Lồng ghép quyền con người trong chu trình chính sách công của Thụy Điển

Có thể nói, đặc trưng quan trọng nhất trong chính sách công về bảo vệ quyền con người tại Thụy Điển là việc lồng ghép các yêu cầu về quyền vào quy trình xây dựng chính sách và pháp luật. Về quy trình làm luật, trước khi Chính

phủ xây dựng một đề xuất lập pháp, vấn đề cần điều chỉnh phải được phân tích và đánh giá; Chính phủ thường chỉ định một chuyên gia hoặc một ủy ban điều tra để xem xét kỹ vấn đề [8, tr. 1]. Cơ chế điều tra chính sách này tạo điều kiện để chính sách được chuẩn bị trên cơ sở bằng chứng, có sự tham gia của chuyên gia, công chức, chính trị gia và các nhóm lợi ích liên quan.

Các ủy ban điều tra hoạt động trên cơ sở điều khoản tham chiếu do Chính phủ đặt ra, trong đó xác định vấn đề cần điều tra và những nội dung phải xử lý. Ủy ban điều tra hoạt động độc lập với Chính phủ, dù bộ trưởng liên quan là người bổ nhiệm các thành viên; trong quá trình này, phe đối lập trong nghị viện và các nhóm lợi ích khác nhau có cơ hội theo dõi công việc cải cách từ giai đoạn sớm [8, tr. 1]. Đây là điểm quan trọng từ góc độ tiếp cận dựa trên quyền con người, bởi quyền tham gia và yêu cầu minh bạch được đưa vào ngay từ giai đoạn hình thành chính sách.

Sau khi ủy ban điều tra hoàn thành báo cáo, các điều khoản tham chiếu và báo cáo được công bố, có sẵn cho công chúng [8, tr. 1]. Báo cáo sau đó được gửi để lấy ý kiến từ các cơ quan nhà nước trung ương, chính quyền địa phương, các tổ chức khác, bao gồm cả tổ chức phi chính phủ có hoạt động có thể bị ảnh hưởng bởi đề xuất [8, tr. 1]. Cơ chế tham vấn này giúp Chính phủ nhận diện tốt hơn tác động xã hội của chính sách, bao gồm tác động đối với các nhóm dễ bị tổn thương, các quyền hiến định và các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế.

Sau quá trình tham vấn, cơ quan có trách nhiệm soạn thảo dự luật trên cơ sở báo cáo điều tra và các ý kiến tham vấn. Đối với các dự thảo quan trọng, Chính phủ về nguyên tắc phải gửi dự thảo tới Hội đồng Pháp luật, gồm các thẩm phán từ Tòa án Tối cao và Tòa án Hành chính Tối cao. Mục đích chủ yếu của việc tham vấn Hội đồng Pháp luật là bảo đảm sự phù hợp với hệ thống pháp luật và tính tương thích của quy phạm với hiến pháp [8, tr. 2]. Đây là cơ chế kiểm tra tính kỹ thuật trước khi dự luật được trình Nghị viện, qua đó góp phần hạn chế nguy cơ ban hành chính sách xâm phạm quyền hoặc không tương thích với nền tảng hiến định.

Ở giai đoạn nghị viện, khi Chính phủ trình dự luật, dự luật được một ủy ban thường trực của

Nghị viện xử lý; các nghị sĩ có thể đưa ra đề xuất phản biện hoặc sửa đổi; sau khi ủy ban hoàn thành thảo luận, báo cáo được đưa ra phiên toàn thể để tranh luận và thông qua [8, tr. 2]. Những đề xuất luật mới hoặc sửa đổi luật thường đến từ Chính phủ dưới hình thức dự luật, nhưng các nghị sĩ cũng có thể đề xuất [9]. Quy trình này cho thấy trách nhiệm chính sách được đặt trong cơ chế cân bằng giữa điều tra chính sách, tham vấn xã hội, thẩm tra pháp lý và quyết định nghị viện.

Với quy trình chính sách của Thụy Điển trên, có thể thấy ba giá trị nổi bật sau:

Thứ nhất, chính sách được chuẩn bị bằng cơ chế điều tra và đánh giá trước khi quyết định;

Thứ hai, quá trình tham vấn tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức xã hội, nhóm lợi ích và chủ thể chịu tác động tham gia vào quá trình chính sách;

Thứ ba, tính tương thích với hiến pháp, pháp luật và nghĩa vụ quốc tế được kiểm tra trước khi ban hành.

Những yếu tố này giúp bảo vệ quyền con người trở thành yêu cầu vận hành trong chu trình chính sách công, chứ không chỉ dừng lại ở khẩu hiệu hay các tuyên bố thuần túy trong văn bản.

3.3. Thiết chế giám sát, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong bảo vệ quyền con người

Chính sách công về bảo vệ quyền con người tại Thụy Điển còn được bảo đảm bởi hệ thống thiết chế giám sát và trách nhiệm giải trình chặt chẽ.

Thứ nhất, nguyên tắc công khai tài liệu công là công cụ nền tảng để người dân, báo chí và xã hội giám sát hoạt động của cơ quan công quyền. Luật Tự do báo chí không chỉ trao quyền tiếp cận tài liệu công, mà còn quy định quyền này chỉ có thể bị hạn chế khi cần thiết vì các căn cứ như an ninh quốc gia, quan hệ đối ngoại, chính sách tài khóa - tiền tệ, hoạt động kiểm tra, phòng chống tội phạm, lợi ích kinh tế công, bảo vệ hoàn cảnh cá nhân hoặc bảo tồn loài động, thực vật [7, Chương 2, Điều 2]. Do đó, vấn đề minh bạch ở Thụy Điển luôn đi kèm với cơ chế hạn chế quyền có căn cứ và phải được quy định rõ trong pháp luật.

Thứ hai, Thụy Điển có các thiết chế chuyên trách về bình đẳng và chống phân biệt đối xử.

Thanh tra Bình đẳng có nhiệm vụ chống phân biệt đối xử dựa trên giới, bản dạng hoặc biểu hiện giới, nguồn gốc dân tộc, tôn giáo hoặc tín ngưỡng, khuyết tật, xu hướng tính dục hoặc tuổi tác [10]. Cơ quan này xem xét khiếu nại liên quan đến phân biệt đối xử, quấy rối và đánh giá cách người sử dụng lao động, cơ sở giáo dục đại học và trường học thực hiện nghĩa vụ phòng ngừa phân biệt đối xử [10]. Với thiết chế này, việc bảo vệ quyền không chỉ là nhiệm vụ của tòa án, mà còn được thực hiện thông qua cơ quan giám sát chuyên ngành.

Thứ ba, Thụy Điển đã thành lập Viện Nhân quyền Thụy Điển vào ngày 1/1/2022. Có nhiệm vụ giám sát, điều tra và báo cáo về cách quyền con người được tôn trọng và đưa vào thực hiện tại Thụy Điển [2, tr. 3]. Chính phủ Thụy Điển đánh giá Viện này có vai trò then chốt trong việc thực hiện mục tiêu bảo đảm tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế [2, tr. 3]. Việc thành lập thiết chế nhân quyền quốc gia độc lập này đã bổ sung một cơ chế giám sát quan trọng cho hệ thống bảo vệ quyền của Thụy Điển.

Thứ tư, nội luật hóa một số chuẩn mực quốc tế có tác động trực tiếp đến chính sách công. Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em đã trở thành một phần của pháp luật Thụy Điển từ năm 2020 [2, tr. 19]. Điều này buộc các cơ quan công quyền phải chú ý hơn đến quyền trẻ em trong các quyết định chính sách và quá trình thực thi chính sách. Qua đó cho thấy, quyền con người ở Thụy Điển đã trở thành tiêu chuẩn cứng để đánh giá chính sách trong thực tiễn nghị viện.

Từ các cơ chế trên, có thể nhận thấy chính sách công về bảo vệ quyền con người tại Thụy Điển có tính hệ thống chặt chẽ. Nền tảng hiến định xác lập giá trị và giới hạn của quyền lực công; quy trình điều tra - tham vấn - thẩm tra giúp phòng ngừa rủi ro xâm phạm quyền từ giai đoạn hoạch định; nguyên tắc công khai tài liệu công bảo đảm cho sự minh bạch; các thiết chế chuyên trách và độc lập tăng cường giám sát; còn việc nội luật hóa chuẩn mực quốc tế tạo áp lực pháp lý để quyền con người được đưa vào thực tiễn chính sách. Việc bảo vệ quyền con người được thiết kế cả nội dung chính sách lẫn quy trình và thiết chế bảo đảm chính sách.

4. Một số liên hệ với Việt Nam

Đối với Việt Nam, có thể thấy cơ sở chính trị - pháp lý về bảo vệ quyền con người đã được xác lập ngày càng rõ ràng hơn. Ngay từ Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định rõ: “*Con người là trung tâm của chiến lược phát triển; phát triển kinh tế gắn với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tôn trọng và bảo đảm quyền con người*” [11]; đồng thời xác định Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân; chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do của mỗi người [11]. Đây là lần đầu tiên quyền con người được khẳng định một cách chính thức, toàn diện trong Cương lĩnh của Đảng, phản ánh bước chuyển quan trọng trong tư duy lý luận, từ cách tiếp cận thiên về phúc lợi sang cách tiếp cận coi quyền con người là chuẩn mực định hướng chính sách của Việt Nam.

Hiến pháp 2013 (sửa đổi năm 2025) tiếp tục thể chế hóa quan điểm này bằng việc đặt Chương II về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân ngay sau chương về chế độ chính trị, đồng thời quy định nguyên tắc công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân [3, Điều 14]. Tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội và sức khỏe cộng đồng [3, Điều 14]. Quy định này đã đặt ra yêu cầu quan trọng đối với chính sách công, rằng mọi chính sách có tác động hạn chế quyền phải có cơ sở luật định, phải được cân nhắc về tính cần thiết và phải phù hợp với giới hạn hiến định. Đây là cơ sở pháp lý để Việt Nam phát triển các tiêu chí đánh giá tác động quyền con người trong quá trình xây dựng chính sách.

Nghị quyết số 27-NQ/TW năm 2022 tiếp tục làm rõ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam gắn với kiểm soát quyền lực, công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; xác định rõ một trong những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

là “*quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật*” [4]. Có thể nói, đây là cơ sở chính trị quan trọng để tiếp cận quyền con người vừa là mục tiêu phát triển, vừa là nguyên tắc nhằm điều chỉnh hoạt động hoạch định và thực thi chính sách công ở Việt Nam.

Pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đã có những bước phát triển đáng chú ý theo hướng gắn xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành, truyền thông chính sách, tham vấn, thẩm định, thẩm tra và trách nhiệm giải trình. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định cơ quan lập đề xuất chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về tiến độ, chất lượng lập đề xuất chính sách, soạn thảo, truyền thông chính sách và dự thảo văn bản; đồng thời chịu trách nhiệm về việc tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra [12, Điều 68]. Quy định này là cơ sở để tiếp tục lồng ghép tiếp cận dựa trên quyền con người vào quy trình chính sách ở Việt Nam.

Trên thực tế triển khai, không thể phủ nhận Việt Nam đã đạt được những thành tựu lớn về bảo vệ quyền con người trong nước (như đã thể hiện rõ trong thời kỳ đại dịch Covid-19). Đồng thời, Việt Nam cũng có những đóng góp rõ rệt cho các chương trình, hoạt động nhân quyền quốc tế thông qua ngoại giao nhân quyền với điểm nhấn lớn là việc trúng cử Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc (UNHRC) cho nhiệm kỳ 2023-2025 và sau đó tái đắc cử nhiệm kỳ 2026-2028 đều với số phiếu rất cao.

Từ những phân tích đối với trường hợp Thụy Điển, trong thời gian tới, khi yêu cầu về sửa đổi Hiến pháp và pháp luật có liên quan trở nên cấp thiết theo Chương trình hành động mà Đại hội 14 của Đảng Cộng sản Việt Nam đặt ra, Việt Nam có thể hoàn thiện một số nội dung sau:

Thứ nhất, cần nghiên cứu bổ sung tiêu chí đánh giá tác động quyền con người trong hồ sơ chính sách, nhất là đối với các lĩnh vực có tác động trực tiếp đến người dân như đất đai, môi trường, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, chuyển đổi số, dữ liệu cá nhân và tiếp cận công lý. Việc đánh giá tác động cần xem xét chính sách ảnh hưởng

thể nào đến các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa của các nhóm dân cư khác nhau.

Thứ hai, cần nâng cao chất lượng tham vấn chính sách theo hướng thực chất hơn nữa. Tham vấn không chỉ là việc công bố dự thảo và tiếp nhận ý kiến, mà phải bảo đảm người dân và nhóm chịu tác động có khả năng tiếp cận thông tin, hiểu được tác động của chính sách, có nơi để trình bày quan điểm, được phản hồi về việc tiếp thu hoặc không tiếp thu ý kiến. Từ trường hợp của Thụy Điển, cho thấy việc tham vấn có đạt hiệu quả hay không phụ thuộc lớn vào việc công khai tài liệu công, tổ chức phản hồi có hệ thống và xác lập trách nhiệm của cơ quan chủ trì chính sách.

Thứ ba, cần tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong suốt chu trình chính sách. Luật số 64/2025/QH15 đã đặt ra trách nhiệm về truyền thông chính sách, tiếp thu và giải trình ý kiến góp ý, tham vấn, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra [12, Điều 68]. Vấn đề tiếp theo là xây dựng công cụ thực thi để việc giải trình không chỉ mang tính hình thức. Cơ quan chủ trì chính sách cần công khai rõ các nhóm ý kiến chính, lý do tiếp thu, lý do không tiếp thu và tác động dự kiến của phương án chính sách đã lựa chọn.

Thứ tư, cần chú trọng hơn đến bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương trong chính sách công. Từ việc tiếp cận dựa trên quyền con người, chính sách phải nhận diện được bất bình đẳng thực tế. Những nhóm yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số, người lao động di cư hoặc các nhóm gặp khó khăn trong tiếp cận dịch vụ công cần được phân tích như những chủ thể quyền có nhu cầu, rào cản và khả năng thụ hưởng quyền khác nhau.

Cần lưu ý, việc tham khảo kinh nghiệm Thụy Điển cần được đặt trong điều kiện lịch sử cụ thể của Việt Nam. Việc tham khảo kinh nghiệm của Thụy Điển không phải áp dụng mô hình của nước này vào Việt Nam, mà chủ yếu nằm ở phương pháp coi quyền con người là tiêu chí xuyên suốt trong chính sách công; đưa đánh giá tác động, tham vấn, minh bạch và giải trình thành yêu cầu thực chất; đồng thời phải xét đến lộ trình

phù hợp với thể chế chính trị, văn hóa pháp lý, nguồn lực và trình độ phát triển của Việt Nam.

5. Kết luận

Chính sách công về bảo vệ quyền con người là lĩnh vực có ý nghĩa trực tiếp đối với chất lượng quản trị quốc gia và tính chính danh của các hoạt động công quyền. Bảo vệ quyền con người phải là quá trình nhà nước chuyển hóa các quyền được ghi nhận trong hiến pháp, pháp luật thành mục tiêu, công cụ, nguồn lực, thủ tục và thiết chế bảo đảm trong thực tiễn. Vì vậy, chính sách công về bảo vệ quyền con người cần được đánh giá đồng thời ở nội dung chính sách, quy trình hoạch định, cơ chế tham vấn, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và hiệu quả bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương.

Thụy Điển là một quốc gia đáng chú ý về quy trình xây dựng chính sách và pháp luật về quyền con người trên điều tra, đánh giá, tham vấn, thẩm tra pháp lý và quyết định nghị viện với nguyên tắc công khai tài liệu công tạo điều kiện cho người dân, báo chí và xã hội giám sát quyền lực công. Đối với Việt Nam, quyền con người, quyền công dân đã được khẳng định rõ trong chủ trương của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW, Hiến pháp và pháp luật có liên quan. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện chính sách công về bảo vệ quyền con người. Tuy nhiên, để các chính sách và quy định được triển khai trong thực tiễn, cần chuyển hóa các nguyên tắc này thành tiêu chí kỹ thuật cụ thể trong chu trình chính sách, và việc tiếp tục tham khảo kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới có vai trò cần thiết.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội trong đề tài mã số SV.2027.18.

Tài liệu tham khảo

- [1] Office of the United Nations High Commissioner for Human Rights, Frequently Asked Questions on

- a Human Rights-Based Approach to Development Cooperation,
<https://www.ohchr.org/sites/default/files/Documents/Publications/FAQen.pdf>, 2006, (accessed on: June 14th, 2026).
- [2] Government Offices of Sweden, National Report Submitted Pursuant to Human Rights Council Resolutions 5/1 and 16/21: Sweden, Fourth Cycle of the Universal Periodic Review, <https://www.regeringen.se/contentassets/49b69f19914542d2ab6c00d1e2ed56b2/national-report-from-sweden-in-the-fourth-cycle-of-upr-2025.pdf>, 2025 (accessed on: June 14th, 2026).
- [3] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Constitution of the Socialist Republic of Vietnam, Hanoi, 2013 (in Vietnamese).
- [4] Communist Party of Vietnam, Resolution No. 27-NQ/TW dated November 9, 2022, on continuing to build and perfect the socialist rule-of-law State of Vietnam in the new period, Hanoi, 2022 (in Vietnamese).
- [5] T. R. Dye, Understanding Public Policy, 15th ed., Pearson, Boston, 2017.
- [6] Sveriges Riksdag, The Instrument of Government (1974:152), up to and including SFS 2022:1600, Stockholm, <https://www.riksdagen.se/globalassets/05.-sa-fungerar-riksdagen/demokrati/the-instrument-of-government-2023-eng.pdf>, 2023 (accessed on: June 14th, 2026).
- [7] Sveriges Riksdag, The Freedom of the Press Act (1949:105), Stockholm, <https://www.riksdagen.se/globalassets/05.-sa-fungerar-riksdagen/demokrati/the-freedom-of-the-press-act-2023-eng.pdf>, 2023 (accessed on: June 14th, 2026).
- [8] Government Offices of Sweden, The Swedish Law-Making Process, <https://www.government.se/contentassets/4490fe7afcb040b0822840fa460dd858/the-swedish-law-making-process/>, 2016 (accessed on: June 14th, 2026).
- [9] Sveriges Riksdag, Makes Laws, <https://www.riksdagen.se/en/how-the-riksdag-works/what-does-the-riksdag-do/makes-laws/>, 2023 (accessed on: June 14th, 2026).
- [10] Government Offices of Sweden, The Equality Ombudsman (DO), <https://www.government.se/government-agencies/equality-ombudsman-do/> (accessed on: June 14th, 2026).
- [11] Communist Party of Vietnam, Platform for National Construction in the Period of Transition to Socialism (supplemented and developed in 2011), Hanoi, 2011 (in Vietnamese).
- [12] National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam, Law on Promulgation of Legal Documents No. 64/2025/QH15, Hanoi, 2025 (in Vietnamese).